

Số: 150A/2022/TPS-CV

TP. HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS)

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 04 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lệ Tùng

Địa chỉ: Tầng 04 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Loại thông tin công bố: bất thường 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán năm 2021
- Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán năm 2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/02/2021 tại đường dẫn:

<https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/tps-cbtt-bao-cao-ty-le-an-toan-tai-chinh-nam-2021-da-kiem-toan?postId=1153>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán năm 2021

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH | 5 - 6 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH | 7 - 30 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|---------------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|
| <u>Hội đồng quản trị</u> | | | |
| Ông Đỗ Anh Tú | Chủ tịch | 15/03/2021 | |
| Ông Trần Sơn Hải | Phó Chủ tịch | 15/03/2021 | |
| Bà Trương Thị Hoàng Lan | Thành viên độc lập | 15/03/2021 | |
| <u>Ban kiểm soát</u> | | | |
| Bà Trần Thanh Hương | Trưởng ban | 15/03/2021 | |
| Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm | Thành viên | 19/06/2020 | |
| Bà Võ Thị Xuân Lan | Thành viên | 19/06/2020 | |
| <u>Ban Tổng Giám đốc</u> | | | |
| Ông Trần Sơn Hải | Tổng Giám đốc | 04/10/2019 | |
| Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng | Giám đốc khối tài chính | 16/04/2019 | |

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



TRẦN SON HẢI - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2022, từ trang 5 đến trang 30. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về đối tượng nhận và sử dụng báo cáo kiểm toán tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mô tả chính sách lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

Số công văn:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, Chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ Báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.



TRẦN SON HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

ĐẶNG SĨ THÙY TÂM
Kiểm soát nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| STT | Các chỉ tiêu | Thuyết minh | Giá trị rủi ro /vốn khả dụng |
|-----|--------------------------------|-------------|------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị rủi ro thị trường | V | 339.810.187.759 |
| 2 | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | VI | 240.103.035.135 |
| 3 | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | VII | 220.666.207.476 |
| 4 | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) | | 800.579.430.370 |
| 5 | Vốn khả dụng | VIII | 2.087.398.545.071 |
| 6 | Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4) | | 260.74% |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND;
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT;
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc;
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán;
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:
 - ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc;
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.
 - ✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND;
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 06 tháng 8 năm 2021, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND tăng lên 2.000.000.000.000 VND;
- Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2021, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh sang địa chỉ Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 550/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 10 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 4 tháng 11 năm 2021 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh số 1875/TB-SGDHCM ngày 28 tháng 10 năm 2021 với mã chứng khoán là ORS.

- **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 2.000.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 200.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Tầng 4 và tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
 - Fax : (84-028) 3911 8015
 - Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9**
- **Chi nhánh**
 - Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
 - Địa chỉ : Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 chi nhánh. Chi tiết như sau:

Chi nhánh trực thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội | Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội | Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán |

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 234 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 125 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập và trình bày phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC (“Thông tư 91”) ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo này chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính:

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày. Vốn khả dụng được điều chỉnh giảm trừ hoặc tăng thêm theo hướng dẫn tại Điều 5 và Điều 7 của Thông tư 91.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo Thông tư 91 như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi điều chỉnh giảm số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán, tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty;
- Chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.1. Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Thông tư 91 như sau:

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|--------------|---|
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | |
| 1 | Tiền (VND) | Số dư tài khoản tại ngày tính toán |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|-------------------|--|---|
| 2 | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán |
| 3 | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán |
| 4 | Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán |
| Trái phiếu | | |
| 5 | Trái phiếu niêm yết | <ul style="list-style-type: none">- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá mua cộng lãi lũy kế;+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế. Tức là: Max (Giá mua cộng lãi lũy kế, Mệnh giá cộng lãi lũy kế, Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế). |
| 6 | Trái phiếu không niêm yết | <p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế;+ Giá mua cộng lãi lũy kế;+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế. |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|-----------------|---|--|
| | | Tức là: Max (Giá yết (nếu có), Giá mua cộng lãi lũy kế, Mệnh giá cộng lãi lũy kế, Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế). |
| Cổ phiếu | | |
| 7 | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | - Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ) |
| 8 | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | - Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ). |
| 9 | Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom | - Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|-----|--|---|
| | | <p>(02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p> |
| 10 | Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch | <ul style="list-style-type: none">- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá từ các báo giá;+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá từ các báo giá, Giá của kỳ báo cáo gần nhất, Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).</p> |
| 11 | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | <p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Mệnh giá;+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|--|--|---|
| | | doanh chứng khoán. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Mệnh giá, Giá xác định theo phương pháp nội bộ). |
| 12 | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ phiếu được chia do tổ chức giải thể, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. |
| 13 | Cổ phần, phần vốn góp khác | Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua/giá trị vốn góp; + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua/giá trị vốn góp, Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán). |
| Quỹ/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán | | |
| 14 | Quỹ đóng đại chúng/Quỹ ETF | - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/ICCG tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán. |
| 15 | Quỹ thành viên/Quỹ mở/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ | Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán |
| 16 | Các trường hợp khác | Theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán |
| Tài sản cố định | | |
| 17 | Quyền sử dụng đất... | Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn |
| 18 | Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang | Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn/Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|-------------------------|---|--|
| 19 | Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện... | Giá trị còn lại của tài sản |
| 20 | Các tài sản cố định khác | Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn |
| Chứng khoán khác | | |
| 21 | Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành | - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết). |
| 22 | Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài | - Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ). |

3.2 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư được trình bày ở Thuyết minh số V.

3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc có lãi cho vay của tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định rủi ro thị trường.

4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng được xác định như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định rủi ro thanh toán trước hạn trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
- Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính;
- Các khoản phải thu trong hạn của tổ chức kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán;
- Các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán;
- Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán.

Đối với các khoản phải thu quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng nói trên, giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư 91 như sau:

| STT | Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|--|-------------------------|
| 1 | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; | 0% |
| 2 | Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 0,8% |
| 3 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 3,2% |
| 4 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 4,8% |
| 5 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam | 6% |
| 6 | Các tổ chức, cá nhân khác | 8% |

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được quy định tại Thông tư 91 như sau:

| STT | Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | Hệ số rủi ro |
|-----|---|--------------|
| 1 | Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 16% |
| 2 | Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 32% |
| 3 | Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 48% |
| 4 | Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 100% |

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại.

| STT | Loại hình giao dịch | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|-----|---|---|
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm | Toàn bộ giá trị khoản cho vay |
| 2 | Cho vay chứng khoán | $\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)}), 0\}$ |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | Loại hình giao dịch | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|-----|--|---|
| 3 | Vay chứng khoán | $\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản bảo đảm} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$ |
| 4 | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại | $\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$ |
| 5 | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại | $\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$ |
| 6 | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | $\text{Max}\{(\text{số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$ |

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán.

| STT | Thời gian | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro |
|--|---|--|
| A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới) | | |
| 1 | Trước thời hạn nhận thanh toán | 0 |
| 2 | Sau thời hạn nhận thanh toán | Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) |
| | | 0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch) |
| B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán) | | |
| 1 | Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | 0 |
| 2 | Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) |
| | | 0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch) |

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ đã đáo hạn: là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Tổ chức kinh doanh chứng khoán có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản bảo đảm tính giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản bảo đảm} = \text{Khối lượng tài sản} \times \text{Giá tài sản} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh số IV.3.1.

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh số IV.

4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

4.5 Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác.

V. BẢNG TÍNH RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị tính: VND

| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
|--|--|------------------------|-----------------|----------------|
| | | (1) | (2) | (3)=(1) x (2) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | | |
| 1 | Tiền (VND) | 0% | 108.175.805.100 | |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 0% | - | |
| 3 | Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi | 0% | 356.961.778.000 | |
| II. Trái phiếu Chính phủ | | | | |
| 4 | Trái phiếu Chính phủ không trả lãi | 0 | | |
| 5 | Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định | | | |
| 5.1 | Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD | 3 | | |
| III. Trái phiếu tổ chức tín dụng | | | | |
| 6 | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 3 | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
|---|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| | | (1) | (2) | (3)=(1) x (2) |
| Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | | 8 | | |
| Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | | 10 | | |
| Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | | 15 | | |
| IV. Trái phiếu doanh nghiệp | | | 227.886.335.574 | |
| Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết | | | 169.788.236.891 | 14.286.795.574 |
| 7 | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8 | 134.601.405.778 | 10.768.112.462 |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 10 | 35.186.831.113 | 3.518.683.111 |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | | - |
| | Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết | | 762.528.100.000 | 213.599.540.000 |
| 8 | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | 1.066.300.000 | 159.945.000 |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | 30.000.000 | 6.000.000 |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | 300.182.900.000 | 75.045.725.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
|--|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| | | (1) | (2) | (3)=(1) x (2) |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | 460.984.900.000 | 138.295.470.000 |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 35 | 264.000.000 | 92.400.000 |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 40 | | - |
| V. Cổ phiếu | | | 531.876.513.750 | 111.923.852.185 |
| 9 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở | 10 | 382.214.505.650 | 38.221.450.565 |
| 10 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 15 | | - |
| 11 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom | 20 | 3.762.008.100 | 752.401.620 |
| 12 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30 | | - |
| 13 | Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50 | 145.900.000.000 | 72.950.000.000 |
| VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | | |
| 14 | Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng | 10 | | |
| 15 | Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ | 30 | | |
| VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | | |
| 16 | Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định | 30 | | |
| 17 | Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo | 20 | | |
| 18 | Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát | 25 | | |
| 19 | Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch | 40 | | |
| 20 | Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch | 80 | | |
| VIII. Chứng khoán phái sinh | | | | |
| 21 | Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu | 8 | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
|---|--|---------------|----------------|
| | (1) | (2) | (3)=(1) x (2) |
| <p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán). Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p> | | | |
| 22 | Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ | 3 | |
| <p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán). Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p> | | | |
| IX. Chứng khoán khác | | | |
| 23 | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn | 25 | |
| 24 | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn | 100 | |
| 25 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | 8 | |
| 26 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 10 | |
| 27 | Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần. | 100 | |
| 28 | Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80 | |
| 29 | Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành | | |
| <p>Cách tính: Giá trị rủi ro thị trường = $\text{Max} \{((P_0 \times Q_0/k - P_1 \times Q_1) \times r - MD), 0\}$</p> | | | |
| 30 | Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (<i>trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi</i>) | | |
| 31 | Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
|--|------------------------|---------------|----------------|
| | (1) | (2) | (3)=(1) x (2) |
| X. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng) | | | |
| Mã chứng khoán | Mức tăng thêm | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX) : 339.810.187.759 | | | |

VI. BẢNG TÍNH RỦI RO THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

| | Giá trị rủi ro |
|--|------------------------|
| Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh số VI.1) | 233.746.667.135 |
| Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh số VI.2) | - |
| Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh số VI.3) | 6.356.368.000 |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 240.103.035.135 |

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

| Loại hình giao dịch | Hệ số rủi ro (%) | | Giá trị rủi ro (VND) | | | | | | Tổng giá trị rủi ro |
|--|------------------|------|----------------------|------|----------------|-----------------|-----------------|--|---------------------|
| | 0% | 0,8% | 3,2% | 4,8% | 6% | 8% | | | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | | | |
| 1 Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác | | | | | 42.180.706.680 | 191.565.960.455 | 233.746.667.135 | | |
| 2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | | | |
| 3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| Loại hình giao dịch | Hệ số rủi ro (%) | | | | | | Tổng giá trị rủi ro |
|--|----------------------|------|------|------|-----|-----|------------------------|
| | Giá trị rủi ro (VND) | | | | | | |
| | 0% | 0,8% | 3,2% | 4,8% | 6% | 8% | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | |
| 4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | |
| 5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | |
| TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN | | | | | | | 233.746.667.135 |

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

| STT | Đối tác thanh toán cho Công ty | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|---|-------------------------|
| (1) | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; | 0% |
| (2) | Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán | 0,8% |
| (3) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 3,2% |
| (4) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty | 4,8% |
| (5) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam | 6% |
| (6) | Các tổ chức, cá nhân khác | 8% |

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

| STT | Thời gian quá hạn | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
|--|--|------------------|---------------|----------------|
| 1 | Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 16 | | |
| 2 | Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 32 | | |
| 3 | Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 48 | | |
| 4 | Từ 60 ngày trở đi | 100 | | |
| TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN | | | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**3. Rủi ro tăng thêm**

| STT | Chi tiết tới từng đối tác | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
|------------------------------|--|------------------|----------------|----------------------|
| 1 | Các khoản tiền gửi kỳ hạn | 20% | 20.763.000.000 | 4.152.600.000 |
| 2 | Phải thu về dịch vụ CTCK cung cấp | | 22.037.680.000 | 2.203.768.000 |
| | <i>Công ty Cổ phần Vital Investments group</i> | 10% | 22.037.680.000 | 2.203.768.000 |
| TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM | | | | 6.356.368.000 |

VII. BẢNG TÍNH RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

| | Chỉ tiêu | Giá trị |
|--|--|--------------------------|
| I | Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 1.088.248.477.044 |
| | Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí | 205.583.647.140 |
| | 1. Chi phí khấu hao | 5.728.244.379 |
| | 2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 20.996.165.763 |
| II | 3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn | |
| | 4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | |
| | 5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác | |
| | 6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | |
| | 7. Chi phí lãi vay | 178.859.236.998 |
| III | Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II) | 882.664.829.904 |
| IV | 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III) | 220.666.207.476 |
| V | 20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán | 50.000.000.000 |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V}) | | 220.666.207.476 |

VIII. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|----------|---|-------------------|----------------|-----------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| A | Vốn chủ sở hữu | | | |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 2.000.000.000.000 | | |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 877.282.000 | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-----------|---|-----------------|-----------------------|--------------------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | | | |
| 4 | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn | | | |
| 5 | Vốn khác của chủ sở hữu | | | |
| 6 | Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý | | | |
| 7 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 8.560.003.920 | | |
| 8 | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 8.560.003.920 | | |
| 9 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
| 10 | Lợi nhuận chưa phân phối | 154.080.070.553 | | |
| 11 | Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản | 20.996.165.763 | | |
| 12 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định | | | |
| 13 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | | |
| 14 | Các khoản nợ có thể chuyển đổi | | | |
| 15 | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính | | (20.996.165.763) | 9.436.288.017 |
| 16 | Vốn khác (nếu có) | | | |
| 1A | Tổng | | | 2.181.513.648.410 |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| I | Tài sản tài chính | | 54.440.871.198 | |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| 2 | Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | |
| 3 | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | | | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | |
| 4 | Các khoản cho vay | | | |
| 5 | Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | | | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | |
| 6 | Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | | | |
| 7 | Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính) | | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-----------|---|--------------|----------------------|-----------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| 8 | Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết | | | |
| 9 | Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | | |
| | Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| | Phải thu nội bộ | | | |
| | - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| | Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| | Các khoản phải thu khác | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày (*) | | 54.440.871.198 | |
| 14 | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | | | |
| II | Tài sản ngắn hạn khác | | 7.714.654.917 | |
| | Tạm ứng | | | |
| | - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày | | | |
| 2 | Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ | | | |
| 3 | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 7.664.654.917 | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|------------|---|--------------|-----------------------|-----------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| 4 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | 50.000.000 | |
| 5 | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | | |
| 6 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | | |
| 7 | Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 8 | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 1B | Tổng | | 62.155.526.115 | |
| C | Tài sản dài hạn | | | |
| I | Tài sản tài chính dài hạn | | | |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | | | |
| 2 | Các khoản đầu tư | | | |
| | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | |
| 2.1 | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | |
| 2.2 | Đầu tư vào công ty con | | | |
| 2.3 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | |
| 2.4 | Đầu tư dài hạn khác | | | |
| II | Tài sản cố định | | 15.802.016.211 | |
| III | Bất động sản đầu tư | | - | |
| IV | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 1.871.980.484 | |
| V | Tài sản dài hạn khác | | 14.285.580.529 | |
| 1 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | | 4.122.629.317 | |
| 2 | Chi phí trả trước dài hạn | | 3.293.014.511 | |
| 3 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | 2.311.975.549 | |
| 4 | Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | | 4.557.961.152 | |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | | | |
| VI | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn | | - | |
| | <i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i> | | | |
| 1C | Tổng | | 31.959.577.224 | |
| D | Tài khoản ký quỹ đảm bảo | | | |
| 1 | Giá trị ký quỹ | | | |
| 1.1 | Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán | | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-----------------------------------|---|--------------------------|----------------|-----------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| | của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh) | | | |
| 1.2 | Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh) | | | |
| 1.3 | Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | | |
| 2 | Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày | | | |
| 1D | Tổng | | | |
| VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D | | 2.087.398.545.071 | | |

Ghi chú:

(*) Các khoản phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày

54.440.871.198

Các khoản phải thu khác

12.311.871.449

Trả trước cho người bán

42.128.999.749

IX. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi thứ 13 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc chuyển địa điểm trụ sở chính về số 81-83-85 đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính